

PHÒNG DKSX

NGÀY 15 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						353 119	215 038	138 081			
I		CẢNG CHÍNH						63 496	14 274	49 222			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						15 440	14 274	1 166			
1		CP HÀNG HẢI VN	09/09	1145/08		BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040	1 024	16	13/09	TD	GIA HẠN L1
2		CATALAN	12/09	1243/09		BN 1991	CỤC 5A.1	1 600	1 593	7	13/09	TD	
3		THAN MIỀN NAM	10/09	1242/09		VIỆT THUẬN 095-02	CẨM 5A.1	9 000	8 598	402	13/09		
4		KDT MIỀN BẮC	13/09	1244/09		HD 5935	CẨM 1	2 800	2 791	9	13/09		
5		KDT CẦU ĐUÔNG	14/08	1177/08		BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000	268	732	DỠ	TD	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						48 056		48 056			
1		KDT BẮC THÁI	06/08	1158/08		BN 0746	CẨM 1	900		900		TD	
2		KDT HÀ BẮC	19/08	1186/08		BN 0935	CẨM 6A.1	1 170		1 170		PTCB	
3		THAN SÔNG HỒNG	20/08	1187/08		BN 1799	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
4		KDT BẮC THÁI	22/08	1196/08		BN 1158	CẨM 1	850		850		TD	
5		KDT BẮC THÁI	26/08	1998/08		BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
6		KDT BẮC THÁI	30/08	1205/08		NB 8011	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	
7		KDT BẮC THÁI	30/08	1206/08		BN 1363	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
8		KDT BẮC THÁI	30/08	1207/08		NB 8111	CẨM 1	1 986		1 986		TD	
9		KDT HÀ BẮC	31/08	1209/08		BN 2168	CẨM 6A.1	1 500		1 500		PTCB	
10		ĐT TM DV	01/09	1215/09		BN 1336	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020		TD	
11		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1217/09		BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
12		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1218/09		BN 1348	CỤC XÔ 1C	990		990		TD	
13		ĐT TM DV	03/09	1221/09		BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
14		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
15		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1229/09	19/09	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
16		DVVT QUẢNG NINH	05/09	1232/09	20/09	BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
17		KDT BẮC THÁI	07/09	1235/09		BN 2508	CẨM 1	900		900		TD	
18		SÔNG HỒNG	08/09	1236/09		BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
19		CP TTC	09/09	1241/09		HN 2089	CỤC 4A.1	1 250		1 250		TD	
20		KDT MIỀN BẮC	12/09	1246/09		HD 3833	CẨM 1	2 200		2 200		TD	
21		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	12/09	1248/09		VIỆ THUẬN 235-02	CẨM 6A.1	25 000		25 000			
		Tàu chuyển tải						109 100	66 444	42 656			
		Tàu đang làm hàng						71 900	66 444	5 456			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	08/09	1239/09		HẢI NAM 79	CẨM 6A.10	27 400	21 984	5 416	DỠ		KDTCP:11.000 - CLM:13.000 - KVCP:3.400

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSY

NGÀY 15 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	03/09	1224/08		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	25 500	25 460	40	13/09		KDTCP:13.968,38 - TTHG:11.491,19
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	03/09	1223/08		VIỆT THUẬN 169	CÁM 5A.10	19 000	19 000		14/09		TTCO:9.034,38 - CLM:9.965,6
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						37 200		37 200			
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	01/09	1213/09		VIỆT THUẬN 075-01	CÁM 6A.14	7 300		7 300			
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/09	1214/09		STAR CITY	CÁM 5A.10	21 300		21 300			
II		KHO G9-HÓA CHẤT						55 567	14 822	40 746			
		Tàu đã làm hàng						16 504	14 822	1 683			
1		CP VT THUỶ	04/9	92	18/9	BN - 1626	CÁM 8A	900	880	20	12/9	TD	
2		CP HÀNG HẢI VN	10/9	1157/8	17/9	BN - 2556	CÁM 8A	1 691	1 685	6	13/9	TD	
3		NINH BÌNH	12/9	506	19/9	ND - 3686	CÁM 7C	1 978	1 958	20	13/9	TD	
4		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	10/9	412	17/9	BN - 2005	CÁM 8A	1 542	1 524	18	13/9	TD	
5		CP VT&KD THAN	12/9	494b	19/9	BN - 2646	CÁM 8A	1 100	1 093	7	13/9	TD	
6		CP VT&KD THAN	10/9	417B	19/9	NB - 8881	CÁM 8A	1 000	997	3	13/9	TD	
7		CẦU ĐUÔNG	13/9	564	19/9	BN - 1296	CÁM 7C	1 000	992	8	13/9	TD	
8		HẢI PHÒNG	13/9	559	19/9	HP - 4854	CÁM 7C	1 350	1 334	16	13/9	TD	
9		CP ĐTTM&DV	12/9	501B	19/9	BN - 1883	CỤC 1B	1 030	1 018	12	14/9	TD	
10		HẢI NỘI	12/9	507	19/9	BN - 0869	CỤC 1A	1 000	968	32	14/9	TD	
11		CP ĐTTM&DV	13/9	563	19/9	BN - 2565	CÁM 7C	1 950	1 930	20	14/9	TD	
12		HẢI PHÒNG	10/9	413	17/9	BN - 2699	CÁM 8A	1 963	444	1 519	ĐỖ	TD	
		Tàu đã làm lệnh						39 063		39 063			
1		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	31/8	1 210	31/8	NB - 8652	CÁM 8A	4 578		4 578		TD	
2		COALIMEX	01/9	1058/8	15/9	BN - 1758	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
3		SÔNG HỒNG	04/9	50/8	16/9	BN - 2566	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
4		CP ĐTTM&DV	04/9	96	18/9	PHÚC THỊNH 18	CÁM 7B	945		945		TD	
5		CP ĐTTM&DV	04/9	96	18/9	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		XD CN MỎ	07/9	251/7	21/9	BN - 2128	CỤC 1B	1 280		1 280		TD	
7		CP ĐTTM&DV	05/9	144	20/9	BN - 1883	CỤC 1B	1 030		1 030		TD	
8		CP ĐTTM&DV	05/9	145	20/9	BN - 1296	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
9		COALIMEX	05/9	164	20/9	BN - 1809	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
10		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	07/9	171	21/9	BN - 1468	CÁM 7C	1 149		1 149		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 15 THÁNG 09 NĂM 2025

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
11	CP SXTM THAN UÔNG BÍ	06/9	208	20/9	BN - 2122	CẨM 8A	1 980		1 980		TD	
12	NINH BÌNH	07/9	252	21/9	HD 6899	CẨM 7B	2 754		2 754		PT CB	
13	CP HÀNG HẢI VN	07/9	254	21/9	BN - 2633	CẨM 8A	1 837		1 837		TD	
14	CP HÀNG HẢI VN	07/9		21/9	BN - 1799	CỤC 1B	1 090		1 090		TD	
15	CP ĐTTM&DV	08/9	292	22/9	BN - 1959	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	
16	MIỀN TRUNG	09/9	338	23/9	TRẦN GIA 09	CẨM 7B	1 000		1 000		TD	
17	MIỀN TRUNG	09/9	338	23/9	TRẦN GIA 09	CỤC 1A	930		930		TD	
18	NINH BÌNH	11/9	443	18/9	BN - 1309	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
19	XD CN MỎ	11/9	451	18/9	BN - 1789	CỤC 1B	1 280		1 280		TD	
20	HẢ NỘI	11/9	452	18/9	BN - 0869	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
21	CẦU ĐUÔNG	11/9	456	18/9	BN - 1883	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
22	MIỀN BẮC	11/9	457	18/9	BN - 2368	CẨM 8A	1 600		1 600		TD	
23	CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	13/9	565B	19/9	BN - 2482	CẨM 8A	1 650		1 650		TD	
24	CP HÀNG HẢI VN	14/9	578	21/9	HP - 4882	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
25	THANH HOÁ	14/9	595	21/9	KHÁNH MINH 01	CẨM 8A	2 000		2 000		TD	
26	MIỀN BẮC	14/9	596	21/9	BN - 2168	CẨM 8A	1 510		1 510		TD	
27	NINH BÌNH	14/9	600	21/9	BN - 1666	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
28	CẦU ĐUÔNG	14/9	603	21/9	HN - 2187	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
III	<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>7 980</u>	<u>7 729</u>	<u>251</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>7 980</i>	<i>7 729</i>	<i>251</i>			
1	ĐIỆN DUYỄN HẢI		117/9		VIỆT THUẬN TĐ 10	Cẩm 5b.14	4 240	4 079	161	12/09		
2	ĐIỆN DUYỄN HẢI		118/9		SƠN HẢI 07	Cẩm 5b.14	1 950	1 865	85	12/09		
3	ĐIỆN PHẢ LẠI		416/9		QN 5634	CẨM 5B.14	1 790	1 785	5	13/09		
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV	<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>40 026</u>	<u>38 694</u>	<u>1 332</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>39 026</i>	<i>38 694</i>	<i>332</i>			
1	VTT VINACOMIN	08/9	289	22/9	BN 1079	Đon 8a	1 030	996	34	12/9	TD	
2	KDT MIỀN BẮC	10/9	392	24/9	TB 1619	Cẩm 5a.1	2 600	2 597	3	12/9	CBPT	
3	THAN MIỀN NAM	11/9	439	25/9	TRUNG HIẾU 68	Cục 4a.2	1 400	1 393	7	12/9		
4						Cẩm 5b.1	1 750	1 746	4	12/9	CBPT	
5	KDT HẢI PHÒNG	10/9	100	24/9	HD 6818	Cẩm 6b.1	1 850	1 834	16	12/9	CBPT	
6	KDT HÀ BẮC	10/9	395	24/9	BN 1828	Cẩm 5b.1	2 250	2 241	9	12/9	CBPT	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 15 THÁNG 09 NĂM 2025

[illegible]

